

PHỤ LỤC I

CÁC MẪU TỜ KHAI THUỘC LĨNH VỰC THU NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên gọi	Ký hiệu
01	Bảng kê nộp thuế	01/BKNT
02	Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước	C1-02/NS
03a1	Biên lai thu phạt vi phạm hành chính không in sẵn mệnh giá	
03a2	Biên lai thu phạt vi phạm hành chính in sẵn mệnh giá	
03b1	Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá	
03b2	Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá	
03c	Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính (Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)	C1-10/NS

Mẫu số 01
Ký hiệu: 01/BKNT
Mã hiệu.....
Số:

BẢNG KÊ NỘP THUẾ

Tiền mặt Chuyển khoản

Loại tiền: VND USD Khác:.....

Người nộp thuế: Mã số thuế:

Địa chỉ:

..... Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

..... Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/KBNN: trích TK số: hoặc thu tiền
mặt để nộp NSNN theo: TK thu NSNN TK tạm thu TK thu hồi hoàn thuế GTGT
vào tài khoản của KBNN: Tỉnh, TP:

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước
Thanh tra tài chính
Thanh tra Chính phủ
Cơ quan có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu:

STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo/mã định danh hồ sơ (ID)	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung khoản nộp NSNN	Số tiền
-----	---	--	-------------------------	---------

	Tổng cộng							

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: Nợ TK:
 Có TK:

NGƯỜI NỘP TIỀN
 Ngày....tháng....năm....

NGÂN HÀNG/KHO BẠC NHÀ NƯỚC
 Ngày....tháng....năm.....

**Người nộp
 tiền**

**Kế toán
 trưởng**

**Thủ trưởng
 đơn vị**

Thủ quỹ

Kế toán

**Kế toán
 trưởng**

(Ghi chức danh, ký, họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03a1

Biên lai thu phạt vi phạm hành chính không in sẵn mệnh giá

**BỘ TÀI CHÍNH
 TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

AM/...
 Quyền số: ...
 Số:

Đơn vị thu:.....
 Mã số:.....

BIÊN LAI THU TIỀN PHẠT

(Liên))

Họ tên người nộp tiền:

Địa chỉ:

Lý do nộp phạt:

Theo Quyết định xử phạt số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan xử phạt:

Số tiền trên quyết định xử phạt:

(Viết bằng chữ):

Số tiền phạt do chậm thi hành quyết định xử phạt (nếu có):

(Viết bằng chữ):

Tổng số tiền

(Viết bằng chữ):

Người nộp tiền

Ngày....tháng....năm....
Người thu tiền (Mã số)


(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)


Mẫu số 03a2

Biên lai thu phạt vi phạm hành chính in sẵn mệnh giá

Mẫu 1

Mẫu:		Đơn vị thu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
BIÊN LAI THU TIỀN PHẠT		-----	Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc	Mẫu:
Xê ri:	N: 0000000		BIÊN LAI THU TIỀN PHẠT	Xê ri:
			N: 0000000	
- Họ tên người nộp tiền:			- Họ tên người nộp tiền:	
- Địa chỉ:			- Địa chỉ:	
- Lý do nộp tiền:			- Lý do nộp tiền:	
- Số tiền: in sẵn mệnh giá bằng số (bằng chữ)			- Số tiền: in sẵn mệnh giá bằng số (bằng chữ).....	
- Theo QĐ số:ngày.../.../... của:			- Theo QĐ số: ngày.../.../..... của:	
Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên)	Người thu tiền (Ký, ghi rõ họ tên)		Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên)	Người thu tiền (Ký, ghi rõ họ tên)
Liên 1: Lưu		Liên 2: Giao người nộp tiền		

Mẫu 2

Mẫu:		Đơn vị thu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
BIÊN LAI THU TIỀN PHẠT		-----	Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc	Mẫu:
Xê ri:	N: 0000000		BIÊN LAI THU TIỀN PHẠT	Xê ri:
			N: 0000000	
- Số tiền phạt: in sẵn mệnh giá bằng số....			- Số tiền phạt: in sẵn mệnh giá bằng số.....	
- Số tiền phạt: in sẵn mệnh giá bằng chữ....			- Số tiền phạt: in sẵn mệnh giá bằng chữ.....	
Liên 1: Lưu		Liên 2: Giao người nộp tiền		

Mẫu số 03b1

Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá

Đơn vị thu.... Mã số thuế	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- BIÊN LAI THU TIỀN THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ Tên loại Thuế, phí, lệ phí:..... (Liên 1: Lưu tại cơ quan thu)	Mẫu số: Ký hiệu: Số:
Tên đơn vị hoặc người nộp tiền:.....Mã số thuế:.....		
Địa chỉ:.....		
Số tiền:.....		
(Viết bằng chữ):.....		
.....		
Hình thức thanh toán:.....		
.....		
Ngày....tháng....năm 201... Người thu tiền (Ký ghi rõ họ tên)		
(In tại Công ty in Mã số thuế)		

Mẫu số 03b2

Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá

Đơn vị thu:.... Mã số thuế:	Mẫu số:..... Ký hiệu:..... Số:.....	<table border="1"><tr><td>* TCT</td><td>* TCT</td><td>* TCT</td><td>TCT</td></tr></table>	* TCT	* TCT	* TCT	TCT	Đơn vị thu: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mã số thuế: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	Mẫu số:... Ký hiệu:... Số:...
* TCT	* TCT	* TCT	TCT					

**BIÊN LAI THU TIỀN
THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ IN SẴN MỆNH GIÁ**

Ngày...tháng...năm....

Xê ri:

Số:

- Tên loại thuế, phí, lệ phí:

- Số tiền:

- Bằng chữ:

Liên 1: Lưu (In tại Công ty in ... Mã số thuế ...)

BIÊN LAI THU TIỀN THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ IN SẴN MỆNH GIÁ

- Tên loại thuế, phí, lệ phí:

- Số tiền: (in sẵn mệnh giá bằng số)

- Bằng chữ: (in sẵn mệnh giá bằng chữ)

Ngày...tháng...năm...

Người thu tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Liên 2: Giao người nộp tiền (In tại Công ty in ... Mã số thuế ...)

KBNN/NH ủy nhiệm thu...

Mẫu số 03c
Ký hiệu: C1-10/NS

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Số Sêri:...

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Số biên lai:...

Liên số:.....Lưu tại:.....

Thu phạt Nội dung phạt:

Thu phí, lệ phí Tên loại phí, lệ phí:

Thu thuế

Người nộp: MST/Số CMND/HC:

Địa chỉ: Huyện Tỉnh

Theo Quyết định/Thông báo số: ngày của

Đơn vị nhận tiền:

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (ID)	Số tiền
Tổng cộng		

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Người nộp tiền
(Ký tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: Chứng từ này sử dụng trong trường hợp thu phạt VPHC; thu phí, lệ phí vào tài khoản phí, lệ phí chờ nộp NS của tổ chức thu phí, lệ phí

PHỤ LỤC II

CÁC MẪU TỜ KHAI THUỘC LĨNH VỰC KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên gọi	Ký hiệu
04a	Giấy đề nghị cam kết chi ngân sách nhà nước	C2-12/NS
04b	Giấy điều chỉnh cam kết chi ngân sách nhà nước	C2-13/NS
05a	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (Trường hợp đề nghị thanh toán tạm ứng vốn chi thường xuyên)	C2-03/NS
05b	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng bằng ngoại tệ (Trường hợp đề nghị thanh toán tạm ứng vốn chi thường xuyên bằng	C2-08/NS

	ngoại tệ)	
05c	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (Trường hợp đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư)	C3-02/NS
06	Giấy nộp trả kinh phí	C2-05a/NS
07	Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng	
08a	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Áp dụng đối với các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)	
08b	Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài nước)	
09	Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng	
10	Bảng kê kinh phí đã chi trả cho đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - thương binh và xã hội quản lý	
11	Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư	
12	Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện	
13	Bảng phân bổ chi phí quản lý dự án đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí quản lý dự án	
14	Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp	
15a	Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài	C2-19/NS
15b	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số đã ghi thu, ghi chi	C2-18/NS
16a1	Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (Trường hợp rút dự toán ngân sách nhà nước, không kèm nộp thuế)	C2-02a/NS
16a2	Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (Trường hợp rút dự toán ngân sách nhà nước kèm nộp thuế)	C2-02b/NS
16a3	Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (Trường hợp rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ)	C2-06a/NS
16a4	Giấy rút dự toán kiêm thu ngân sách nhà nước (Trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)	C2-06b/NS
16b1	Giấy rút vốn đầu tư (Áp dụng cho các trường hợp, trừ trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ dành cho Bộ Ngoại giao)	C3-01/NS
16b2	Giấy rút vốn đầu tư kiêm thu ngân sách nhà nước (Dành riêng cho Bộ Ngoại giao, trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)	C3-06/NS
16c1	Ủy nhiệm chi (Trường hợp ủy nhiệm chi không kèm nộp thuế)	C4-02a/KB

16c2	Ủy nhiệm chi ngoại tệ (Trường hợp ủy nhiệm chi bằng ngoại tệ)	C4-02b/KB
16c3	Ủy nhiệm chi (Trường hợp ủy nhiệm chi kèm nộp thuế)	C4-02c/KB
16c4	Ủy nhiệm chi (Trường hợp ủy nhiệm chi chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác)	C4-02d/KB

Không ghi vào khu vực này

GIẤY ĐỀ NGHỊ CAM KẾT CHI NSNN

Mẫu số 04a
Ký hiệu: C2-12/NS
Số:..... Năm NS:

VND Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Đơn vị đề nghị cam kết chi NSNN:

Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách/Mã dự án đầu tư:

Tên dự án đầu tư:

Mở tài khoản tại KBNN

I. Thông tin chung về cam kết chi

Tên nhà cung cấp:

TK nhà cung cấp:

Tại Ngân hàng:

Số hợp đồng giấy:

Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực):

Mã số hợp đồng khung đã CKC:

Giá trị hợp đồng giấy:.....

Số tiền đã CKC các năm trước:

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:
Số CKC, HĐK:
Số CKC, HĐTH:
Mã số NCC:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền theo nguyên tệ	Số tiền quy ra VNĐ
1									
2									
Tổng cộng:									

Tổng số tiền nguyên tệ bằng chữ:

Tổng số tiền VNĐ bằng chữ:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày....tháng....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày....tháng....năm....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào khu vực này

GIẤY ĐIỀU CHỈNH CAM KẾT CHI NSNN

Mẫu số 04b
Ký hiệu: C2-13/NS
Số:..... Năm NS:.....

VNĐ Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Đơn vị đề nghị điều chỉnh cam kết chi NSNN:

.....

Tên dự án đầu tư:

.....

Mã ĐVQHNS/Mã dự án đầu tư:..... Mở tài khoản tại KBNN:

.....

Tên nhà cung cấp:..... Mã số nhà cung cấp:

.....

TK nhà cung cấp:..... Tại Ngân hàng:

.....

Hợp đồng khung, số CKC:..... Hợp đồng thực hiện, số CKC:

.....

Theo hợp đồng giấy số: Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực)

Căn cứ hợp đồng đã được cam kết chi tại KBNN, đề nghị KBNN điều chỉnh một số thông tin liên quan đến cam kết chi như sau:

I. Thông tin chung về cam kết chi

Thông tin đã hạch toán:

Tài khoản nhà cung cấp:

Tên ngân hàng nhà cung cấp:

Thông tin đề nghị điều chỉnh bổ sung:

Tài khoản nhà cung cấp:

Tên ngân hàng nhà cung cấp:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Mã ĐBHC:.....

STT	Thông tin đã hạch toán							Thông tin đề nghị điều chỉnh lại							Số tiền	
	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Nguyên tệ	VND

III. Thông tin điều chỉnh về số tiền cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền đã cam kết chi		Số tiền CKC đề nghị điều chỉnh				Số tiền CKC sau điều chỉnh		
										Tăng		Giảm				
								Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
1																
Tổng cộng:																

Số tiền bằng chữ: Theo nguyên tệ:

Theo VND:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày....tháng....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày....tháng....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05a
Ký hiệu: C2-03/NS
Số: Năm
NS:

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG

Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Đơn vị:
Tài khoản: Tại KBNN:
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:

Căn cứ số dư Tạm ứng /Ứng trước đến ngày .../.../... Đề nghị Kho bạc Nhà nước

Thanh toán số tiền đã Tạm ứng /Ứng trước chưa đủ ĐKTT thành Thực chi /Ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

STT	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số dư tạm ứng	Số đề nghị thanh toán	Số KBNN duyệt thanh toán
Tổng cộng							

Tổng số đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Đồng ý thanh toán tổng số tiền ghi bằng chữ:
.....

PHẦN KBNN GHI

Nợ
TK:.....

Có
TK:.....
Mã
ĐBHC.....

Ngày....tháng....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 05b
Ký hiệu: C2-08/NS
Số: Năm NS:
.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG BẰNG NGOẠI TỆ

Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ ĐKTT sáng ứng trước đủ ĐKTT

Đơn vị:.....

Tài khoản:..... Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

.....Mã CTMT, DA:.....

Căn cứ: - Giấy rút dự toán ngân sách bằng ngoại tệ số ngày ../../.....

-

Đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán số ngoại tệ đã Tạm ứng /Ứng trước chưa đủ ĐKTT thành Thực chi /Ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Tỷ giá	Số đã tạm ứng		Số đã nộp		Số đề nghị thanh toán		Số KBNN duyệt thanh toán	
					Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ
Tổng cộng												

Tổng số tiền đề nghị thanh toán (nguyên tệ) ghi bằng chữ:.....

.....

Tổng số tiền đề nghị thanh toán (VNĐ) ghi bằng chữ:

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Ngày....tháng....năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN DÀNH KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Số tiền KBNN duyệt thanh toán (nguyên tệ) ghi bằng chữ:

.....

Số tiền KBNN duyệt thanh toán (VNĐ) ghi bằng chữ:

.....

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Mã
ĐBHC:.....

Ngày....tháng....năm....

Kế toán**Kế toán trưởng****Giám đốc**Không ghi vào
khu vực này**Mẫu số 05c**
Ký hiệu: C3-02/NS
Số:..... Năm
NS:.....**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG VỐN ĐẦU TƯ**Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Tên dự án:

Chủ đầu tư:..... Mã ĐVQHNS:.....

Tài khoản:..... Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

.....Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HĐTH

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:..... ngày/...../.....

Và số dư tạm ứng/ứng trước kinh phí đầu tư của dự án:

Đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán số tiền đã Tạm ứng /Ứng trước
chưa đủ ĐKTT thành Thực chi /Ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số KBNN duyệt thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)Ngày....tháng....năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN DÀNH KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Số tiền ghi bằng chữ:
.....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:.....
Có TK:.....
Mã ĐBHC.....

Ngày...tháng...năm....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 06
Ký hiệu: C2-05a/NS
Số:..... Năm NS:.....

GIẤY NỘP TRẢ KINH PHÍ

Chuyển khoản Tiền mặt

PHẦN KBNN GHI
1. Nợ TK:
Có TK:
2. Nợ TK:
Có TK:
3. Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:.....

Đơn vị nộp:

Đề nghị KBNN: trích tài khoản:

Hoặc người nộp tiền:

để nộp trả kinh phí đã Tạm ứng hoặc Thực chi

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền:

Quyết định số: ngày:
.....

Thông tin nộp trả theo các chi tiết sau:

Tên dự án:

Đơn vị rút dự toán/Chủ đầu tư: Mã ĐVQHNS:.....

Tài khoản:..... Tại KBNN:.....

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA: Số CKC, HĐK: Số CKC, HĐTH:
.....

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm kế hoạch vốn	Số tiền
Tổng cộng						

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Ngày....tháng....năm.....

Người nộp tiền
(Ký, ghi họ tên)

Ngày....tháng....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KBNN GHI

1. Nộp giảm chi NSNN

2. Nộp trả kinh phí khi đã quyết toán ngân sách:

Thu NSNN theo: Mã NDKT:..... Mã CQT:..... Mã chương:.....

Ngày....tháng....năm...

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Mẫu số 07

Mã hiệu:

Số:

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách:

Thanh toán trực tiếp:

Mã đơn vị:

Tạm ứng:

Mã nguồn:

Thu hồi tạm ứng:

Mã CTMTQG, Dự án ODA ...:

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tê	Thành tiền
(1)	(4)	(5)			(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11=8*10)
Tổng số tiền bằng số:										

Tổng số tiền bằng chữ:

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng:..... Số thanh toán:

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày....tháng....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Mẫu này do đơn vị sử dụng ngân sách lập thành 02 liên:

- 01 liên gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản

- 01 liên lưu tại đơn vị sử dụng Ngân sách Nhà nước

2. Cách kê khai Bảng kê nội dung thanh toán/tạm ứng:

a) Cách kê khai cột Hóa đơn (nếu có): Đơn vị kê khai số, ngày tháng năm của Hóa đơn (trừ trường hợp tạm ứng).

b) Cách kê khai cột Chứng từ: Đơn vị kê khai số, ngày tháng năm của Chứng từ chi tại đơn vị sử dụng ngân sách (trừ trường hợp tạm ứng).

c) Cách kê khai cột nội dung chi: Đơn vị kê khai nội dung chi ngắn gọn, thống nhất so với nội dung chi trên chứng từ chi tại đơn vị, hóa đơn (nếu có) và Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng gửi Kho bạc Nhà nước.

3. Đơn vị kê khai số thu hồi tạm ứng phải phù hợp với Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; số thanh toán phải phù hợp với Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi./.

Mẫu số 08a

Mã hiệu:

Số:

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(Áp dụng đối với các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)

1. Đơn vị sử dụng ngân sách:
2. Mã đơn vị: Mã nguồn:
3. Mã CTMTQG, Dự án ODA:
4. Căn cứ Hợp đồng số ký ngàytháng.....năm..... và phụ lục hợp đồng số.....ngày.....tháng.....năm giữa tên (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ); giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký:
5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày tháng năm giữa (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ):

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
- Thanh toán tạm ứng:..... - Thanh toán trực tiếp:.....
7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước:
8. Số đề nghị thanh toán kỳ này:
- Thanh toán tạm ứng:..... - Thanh toán trực tiếp:

**ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

	Tổng số:																		
--	-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1. Giá trị hợp đồng ban đầu/Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
 6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
- Số tiền bằng chữ:..... (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)
7. Lũy kế giá trị thanh toán:

Đại diện nhà thầu
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày...tháng...năm 20...
**Đại diện chủ đầu tư/ban quản lý dự án
chuyên ngành/ban quản lý dự án khu vực**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 08B

1. Giá trị hợp đồng: Là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng cho nhà thầu chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: Là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*
5. Thanh toán thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.
(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho gói thầu hoặc dự án trong năm kế hoạch)
7. Lũy kế giá trị thanh toán: gồm 2 phần:
 - Tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng chưa được thu hồi đến hết kỳ trước (khoản 2) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 5) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 6.
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng XD/CB hoàn thành đến hết kỳ trước (khoản 3) cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 5), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng XD/CB hoàn thành kỳ này (khoản 6).
8. Khi lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành:
 - a) Trường hợp lựa chọn ô “*Theo hợp đồng ban đầu*”, không phải kê khai cột 5 (Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu) và cột 12 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Giá trị hợp đồng”.
 - b) Trường hợp lựa chọn ô “*Ngoài hợp đồng ban đầu*”, không phải kê khai cột 4 (Khối lượng theo hợp đồng ban đầu) và cột 11 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu”.

2.												
III.	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng											
1.												
2.												

Tổng số tiền bằng chữ:

II. Phân thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày.....tháng.....năm.....
**Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện**

Ghi chú:

1. Mẫu này do đơn vị sử dụng ngân sách lập thành 03 liên gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản xác nhận và lưu 01 liên; trả lại đơn vị sử dụng ngân sách 02 liên (01 liên gửi ngân hàng, 01 liên lưu tại đơn vị sử dụng ngân sách).

2. Đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm:

a) Tổng số công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, lao động thường xuyên theo hợp đồng được kê khai tại Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng phải phù hợp với số chỉ tiêu, biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm kê khai chính xác tên đối tượng thụ hưởng, tài khoản ngân hàng, tính toán số tiền thực nhận cho từng đối tượng thụ hưởng theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

3. Cột 12 (Ghi chú): Đơn vị ghi chú các trường hợp có thay đổi so với tháng trước

4. Cột 4 (Tổng số) = Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11

Mẫu số 10

Mã hiệu:

Số:

Đơn vị SDNS: Phòng Lao động thương binh xã hội

Mã đơn vị:

Mã nguồn:

bảng kê kinh phí đã chi trả cho đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành lao động - thương binh và xã hội quản lý

Số TT	Nội dung chi	Số tiền đã tạm ứng cho Tổ chức dịch vụ	Số đã chi trả cho đối tượng thụ hưởng	Còn lại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng					

Kế toán trưởng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

Mã hiệu:

Số:

Chủ đầu tư:.....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước

Tên dự án, công trình: Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước..... tại:

- Vốn ngoài nước..... tại

Căn cứ hợp đồng số: ngày.... tháng năm..... Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số...ngày....tháng....năm (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán đồng.

Số tiền đề nghị:	Tạm ứng	Thanh toán	Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)
------------------	---------	------------	--

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN; CTMT,.....).....

Thuộc kế hoạch vốn:..... Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước

+ Vốn ngoài nước

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số)

+ Vốn trong nước

+ Vốn ngoài nước

Tên đơn vị thụ hưởng

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng..... tại

Ngày....tháng....năm....

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH/
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư

Kho bạc nhà nước chấp nhận	Tạm ứng	Thanh toán	Theo nội dung sau:
----------------------------	---------	------------	--------------------

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục			

- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
- Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
-			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do:</i>			

Ghi chú:

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ
và đóng dấu)

Mẫu số 12

Mã hiệu:

Số:

BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt			Ghi chú
		Số ngày, tháng, năm	Số tiền	Tổng số	Trong đó mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng		
					Số, ngày, tháng hợp đồng bàn giao nhà	Giá trị Biên bản nghiệm thu bàn giao nhà	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức						
	1						
	2						
II.	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân						
	1						
	2						

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Hướng dẫn phương pháp lập Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện

1. Về phương pháp ghi chép:

Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được lập cho từng dự án. Trường hợp một dự án có nhiều phương án bồi thường được duyệt thì số tiền tạm ứng từ KBNN được thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, người dân của các phương án nhưng phải thuộc cùng một dự án; cột chỉ tiêu số 2 (nội dung) yêu cầu phải ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức, hộ dân đã nhận tiền bồi thường, số tiền đã nhận theo đúng phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về chữ ký của các thành phần tham gia:

Đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư trực tiếp chi trả (không thông qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì phần chữ ký chỉ yêu cầu chữ ký của chủ đầu tư không yêu cầu chữ ký của tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đối với trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện thì phần chữ ký, đóng dấu gồm: chủ đầu tư và tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.

CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN...

Số:.....

Mẫu số 13

Mã hiệu:

Số:

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN HOÀN TẠM ỨNG CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Từ tháng..... đến tháng..... năm.....)

STT	Dự án	Số kinh phí QLDA còn lại chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang	Số kinh phí QLDA trích chuyển vào TKTG trong năm báo cáo		Phân bổ chi phí QLDA			Số kinh phí QLDA còn lại cuối kỳ chưa phân bổ
			Tổng số	Trong đó: Trong kỳ báo cáo	Lũy kế số đã phân bổ cho dự án đến cuối kỳ trước	Trong năm báo cáo		
						Tổng số	Trong đó: Giá trị đề nghị phân bổ kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3+5-8
	Tổng số:							
1	Dự án A							
2	Dự án B							
							

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Hướng dẫn phương pháp lập Bảng phân bổ chi phí QLDA đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí QLDA

1. Cột (2): Ghi đầy đủ tên các dự án đã được trích chuyển kinh phí QLDA vào TKTG mà chưa được phân bổ để hoàn ứng hết số đã trích vào TKTG.
2. Số liệu tại cột (3) của bảng phân bổ kỳ này phải khớp đúng với số liệu tại cột (9) của bảng phân bổ chi phí QLDA của kỳ báo cáo trước.
3. Số liệu tại cột (4) là số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG, bao gồm cả số đã trích chuyển kinh phí QLDA trong kỳ báo cáo tại cột (5).
4. Cột (7): Ghi lũy kế số chi phí QLDA phân bổ trong năm báo cáo, bao gồm cả số đề nghị phân bổ chi phí QLDA kỳ này ở cột (8).
5. Tổng số chi phí QLDA phân bổ cho từng dự án không được vượt quá tổng số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG của dự án đó.

Mẫu số 14

Mã hiệu:

Số:

Chủ dự án:.....

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHI PHÍ HỢP LỆ VỐN SỰ NGHIỆP

Kính gửi: Kho bạc nhà nước

Tên dự án:

Chủ dự án/Ban QLDA mã số ĐVSDNS:.....

Số tài khoản của chủ dự án: - Vốn trong nước..... tại:.....

- Vốn ngoài nước..... tại.....

Căn cứ hợp đồng số:..... ngày.... tháng....năm.... Phụ lục bổ sung hợp đồng số..... ngày.....tháng.....năm.....

Căn cứ biên bản nghiệm thu số...ngày....tháng...năm... (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLH

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán đồng.

Số tiền đề nghị:

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

 Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch

Thuộc nguồn vốn: (HCSN nguồn NSNN; CTMT, ODA, vay ưu đãi)

.....

Thuộc kế hoạch vốn:..... Năm.....

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

(Ghi chú: Đồng tiền đề nghị xác nhận theo quy định của hợp đồng...)

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:

Bằng chữ:

(Ghi rõ: Vốn vay...../hoặc viện trợ không hoàn lại.....)

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước

+ Vốn ngoài nước

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số)

+ Vốn trong nước

+ Vốn ngoài nước

Tên đơn vị thụ hưởng

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng..... tại

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Chủ dự án
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận chứng từ

Kho bạc nhà nước chấp nhận Tạm ứng Thanh toán Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
- Mục..., tiểu mục....			
- Mục..., tiểu mục....			
- Mục..., tiểu mục....			
- Mục..., tiểu mục....			
Trong đó:			
- Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
- Thuế giá trị gia tăng			
-			
- Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do:			
Ghi chú:			

Chuyên viên kiểm soát

Trưởng phòng

Giám đốc Kho bạc nhà

chi/Giao dịch viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

nước
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và
đóng dấu)

Tổng số:										

Tổng số tiền ghi bằng chữ (VNĐ):

Mã quỹ: Mã KBNN:

1. Hạch toán thu NSNN:

Mã nội dung kinh tế:..... Mã chương:..... Mã địa bàn hành chính:

2. Hạch toán vay NSNN:

Mã nội dung kinh tế:..... Mã chương:..... Mã địa bàn hành chính:..... Mã ngành kinh tế:.....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tiền mặt tại KB

Tiền mặt tại NH

Đơn vị rút dự toán:

Tài khoản:..... Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

.....Mã CTMT, DA:.....

Số CKC, HĐK:..... Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng					

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

		PHẦN KBNN GHI
Đơn vị nhận tiền:		Nợ TK:
Địa chỉ:		Có TK:
Tài khoản:		Nợ TK:
Tại KBNN (NH):		Có TK:
Hoặc người nhận tiền:		Nợ TK:
Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:		Có TK:
.....		Mã ĐBHC:

Ngày.....tháng.....năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16a2
Ký hiệu: C2-02b/NS

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi

Tạm ứng

Chuyển khoản

Tiền mặt tại KB

Tiền mặt tại NH

Đơn vị rút dự toán:.....

Tài khoản: Tại KBNN:.....

Tên CTMT, DA:

..... Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Tổng số tiền	Chia ra	
						Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)	(7)	(8)
Tổng cộng							

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):

Mã số thuế:..... Mã NDKT:..... Mã chương:.....

Cơ quan quản lý thu:..... Kỳ thuế.....

KBNN hạch toán khoản thu:

Tổng số tiền nộp thuế (*ghi bằng chữ*):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:..... Tại KBNN (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (*ghi bằng chữ*):

PHẦN KBNN GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã CQ thu:

Mã ĐBHC:

2. Trả đơn vị hưởng:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày.....tháng.....năm....

Ngày.....tháng.....năm....

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16a3
Ký hiệu: C2-06a/NS

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẰNG NGOẠI TỆ

Thực chi

Tạm ứng

Chuyển khoản

Tiền mặt

Đơn vị rút dự toán:

.....

Tài khoản:

Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKK, HĐTH Số CKK, HĐK:

.....

Người lĩnh tiền:

.....

CMND số: Cấp ngày: Nơi cấp:

.....

Nội dung chi:

PHẦN KBNN GHI

Mã ĐBHC:

1. Nợ TK:

Có TK:.....

2. Nợ TK:

Có TK:.....

Tỷ giá hạch toán:

.....

Chi tiết	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền bằng ngoại tệ	Số tiền quy ra VND
Tiền mặt:							
Phí ngân hàng:							
Tiền chuyển khoản							
Số tài khoản:							
Tên tài khoản:							
Tại ngân hàng:					SWIFT:		
Tên ngân hàng trung gian:					SWIFT:		
Tổng cộng							

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:.....

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:

Phần Kho bạc Nhà nước duyệt chi:

Kính gửi: Ngân hàng

Kho bạc nhà nước đề nghị Ngân hàng

Trích tài khoản số của KBNN

Số tiền nguyên tệ ghi bằng số:

Ghi bằng chữ:.....

Chi tiết	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền quy ra VND
Tiền mặt:			
Phí ngân hàng:			
Tiền chuyển khoản			
Số tài khoản:			
Tên tài khoản:			
Tại ngân hàng: SWIFT:			
Tên ngân hàng trung gian: SWIFT:			
Tổng cộng			

Nội dung chi:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên) (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16a4
Ký hiệu: C2-06b/NS

BỘ NGOẠI GIAO

GIẤY RÚT DỰ TOÁN KIỂM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi Tạm ứng

Tên đơn vị rút dự toán:

Tài khoản: tại Sở Giao dịch KBNN.

Tên CTMT, DA:

..... Mã CTMT, DA:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
							Nguyên tệ	Quy ra VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

							Tổng cộng:	

Đồng thời ghi thu NSNN chi tiết như sau:

Cơ quan quản lý khoản thu:.....						PHẦN KBNN GHI	
Mã chương:.....Mã số thuế:.....Kỳ nộp phí, lệ phí:.....						Nợ TK:.....	
Nội dung	Mã NDKT	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền		Có TK:.....	
				Nguyên tệ	Quy ra VNĐ	Nợ TK:.....	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	Có TK:.....	
						Nợ TK:.....	
						Có TK:.....	
Tổng cộng:						Mã ĐBHC:	
						Mã CQT:	

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:.....

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:.....

.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

BỘ NGOẠI GIAO

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên) (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16b1
Ký hiệu: C3-01/NS

GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ

- | | | |
|--|----------------------------------|--|
| Thực chi <input type="checkbox"/> | Tạm ứng <input type="checkbox"/> | Chuyển khoản <input type="checkbox"/> |
| Ứng trước đủ điều kiện thanh toán | | Tiền mặt tại KB <input type="checkbox"/> |
| Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán | | Tiền mặt tại NH <input type="checkbox"/> |

Tên dự án:.....

Chủ đầu tư:..... Mã ĐVQHNS:.....

Tài khoản: Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:.....

..... Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HĐK:.....

Số CKC, HĐTH..... Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ngày ../.../...

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra		
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV hưởng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	
Tổng cộng:									

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):

Mã số thuế:..... Mã NDKT:..... Mã chương:.....

Cơ quan quản lý thu: Kỳ thuế:

KBNN hạch toán khoản thu:

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản: Mã CTMT, DA và HTCT:

Tại KBNN (NH):

Hoặc người nhận tiền:

CMND số:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

PHẦN KBNN GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã CQ thu:

Mã ĐBHC:

2. Trả đơn vị hưởng:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày.....tháng.....năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lĩnh tiền mặt

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16b2
Ký hiệu: C3-06/NS

BỘ NGOẠI GIAO

GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ KIỂM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi Tạm ứng

Ứng trước đủ đk thanh toán Ứng trước chưa đủ đk thanh toán

Tên dự án:

Chủ đầu tư:

Tài khoản:..... tại Sở giao dịch KBNN.

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:..... ngày .../.../....

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
								Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng:									

Đồng thời ghi thu NSNN chi tiết như sau:

Cơ quan quản lý khoản thu:.....

Mã chương:.....Mã số thuế:.....Kỳ nộp phí, lệ phí:.....

Nội dung	Mã NDKT	Loại ngoại tệ	Tỷ giá	Số tiền	
				Nguyên tệ	Quy ra VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Nợ TK:.....

Có TK:.....

Mã ĐBHC:

Mã CQT:

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:.....

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

BỘ NGOẠI GIAO

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên) (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16c1
Ký hiệu: C4-02a/KB

ỦY NHIỆM CHI

Chuyển khoản Tiền mặt tại KB

Tiền mặt tại KH

Lập ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NS	Niên độ NS	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên) (Ký, ghi họ

tên, đóng
dấu)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)

Mẫu số 16c2
Ký hiệu: C4-02b/KB

Chuyển khoản

Tiền mặt tại ngân hàng

Lập ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:.....

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Số tiền	
			Nguyên tệ	VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng:				

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:.....

Tổng số tiền VND ghi bằng chữ:.....

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản: Tại Kho bạc Nhà nước (NH):.....

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày...tháng...năm....

Thủ
quỹ

Kế
toán

Kế
toán
trưởng

Giám
đốc

Ngày...tháng...năm....

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày...tháng...năm....

Kế toán
trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài
khoản
(Ký, ghi họ
tên, đóng
dấu)

Không ghi vào

ỦY NHIỆM CHI

Mẫu số 16c3

khu vực này

Lập ngày....tháng....năm....

Ký hiệu: C4-02c/KB

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:.....

Tài khoản:.....

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NSNN	Niên độ NS	Tổng số tiền	Chia ra	
				Nộp thuế	TT cho ĐV hưởng
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6)	(5)	(6)
Tổng cộng:					

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):

Mã số thuế:..... Mã NDKT:..... Mã chương:.....

Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo:.....

Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo:.....

Cơ quan quản lý thu:.....

KBNN hạch toán khoản thu:

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:..... Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ):

KBNN A GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã CQ thu:

Mã ĐBHC:

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK:

Có TK:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày....tháng....năm....

Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày....tháng....năm....

Kế toán trưởng Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên) (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI

Mẫu số 16c4
Ký hiệu: C4-02d/KB

(Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác)

Chuyển khoản Tiền mặt tại KB

Tiền mặt tại NH

Lập ngày....tháng....năm....

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước:.....

Nội dung thanh toán	Số tiền
Tổng cộng	

Tổng số tiền đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:.....

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:

Ngày....tháng....năm....

Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày....tháng....năm....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KBNN GHI:

Tỷ giá:.....Số tiền theo nguyên tệ:.....

Số tiền nguyên tệ bằng chữ:.....

.....

KBNN A GHI:

Nợ TK:

Có TK:

Ngày....tháng....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHỤ LỤC III

CÁC MẪU TỜ KHAI THUỘC LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN
(Kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên gọi	Ký hiệu
17	Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký	01/MTK
18	Giấy đề nghị thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký	02/MTK
19	Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước	06-ĐCSDTK/KBNN
20a	Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước	01a-SDKP/ĐVDT
20b	Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức lệnh chi tiền tại Kho bạc Nhà nước (Dùng cho cơ quan tài chính)	01b-SDKP/ĐVDT
20c	Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước	02a-SDKP/ĐVDT
20d	Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức lệnh chi tiền tại Kho bạc Nhà nước (Dùng cho cơ quan tài chính)	02b-SDKP/ĐVDT
20e	Bảng đối chiếu tiền gửi kinh phí ngân sách nhà nước cấp của đơn vị được chuyển nguồn sang năm sau thuộc ngân sách trung ương (cấp tỉnh/huyện) năm ... chuyển sang năm	03-SDKP/ĐVDT
20f	Bảng đối chiếu tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách trung ương (cấp tỉnh/cấp huyện) theo hình thức rút dự toán năm ... chuyển sang năm...	04-SDKP/ĐVDT

Mẫu số 17
Ký hiệu: 01/MTK

GIẤY ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VÀ MẪU DẤU, MẪU CHỮ KÝ

Đăng ký mới Đăng ký bổ sung Mã số hồ sơ:

Kính gửi Kho bạc Nhà nước:

Tên đơn vị:..... Mã ĐVQHNS:

QĐ thành lập số:..... Do cơ quan:..... Cấp Ngày/tháng/năm:.....

Tên cơ quan cấp trên:

Họ và tên Chủ tài khoản:

Văn bản bổ nhiệm số..... Ngày/tháng/năm

Họ và tên Kế toán trưởng:

Văn bản bổ nhiệm số..... Ngày/tháng/năm

Mẫu dấu, mẫu chữ ký:

Chữ ký thứ nhất		Chữ ký thứ hai	
Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ nhất phải giống nhau <i>(01 Chủ tài khoản và 03 người được ủy quyền)</i>		Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ hai phải giống nhau <i>(01 Kế toán trưởng và 02 người được ủy quyền)</i>	
Chủ tài khoản	1	Kế toán trưởng	1
Họ tên:	2	Họ tên:	2
Chức vụ:		Chức vụ:	
Người được ủy quyền	1	Người được ủy quyền	1
Họ tên:	2	Họ tên:	2
Chức vụ:		Chức vụ:	
Người được ủy quyền	1	Người được ủy quyền	1
Họ tên:	2	Họ tên:	2
Chức vụ:		Chức vụ:	
Người được ủy quyền	1		
Họ tên:	2		
Chức vụ:			
Mẫu dấu:	(1)	(2)	

ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN:

STT	PHẦN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CỦA ĐƠN VỊ GIAO DỊCH	PHẦN DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC	
		Kho bạc Nhà nước đồng ý đăng ký sử dụng tài khoản theo chi tiết	Có giá trị đến ngày
Tài khoản dự toán			
<i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều tài khoản trong trường hợp đơn vị giao dịch có nhiều nguồn kinh phí, Chủ đầu tư có nhiều dự án, dự án từ nhiều nguồn vốn thuộc nhiều cấp ngân sách đối với tài khoản dự toán)</i>			
1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA	1.3. Số tài khoản:
	Mã nguồn NSNN thuộc cấp NS		
	Nội dung giao dịch:		
2	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA	1.4. Số tài khoản:
	Mã nguồn NSNN thuộc cấp NS		
	Nội dung giao dịch:		
....

Tài khoản tiền gửi, có tính chất tiền gửi			
<i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều tài khoản trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)</i>			
1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA thuộc cấp NS Mã CTMT, DA và HTCT. Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:
2	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA thuộc cấp NS Mã CTMT, DA và HTCT. Nội dung giao dịch:	1.4. Số tài khoản:
...
Tài khoản thu, chi của cơ quan quản lý thu			
<i>(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều TK trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)</i>			
1	1.1. Mã CQ thu: Nội dung giao dịch:	1.3. Số tài khoản:
2	1.2. Mã CQ thu: Nội dung giao dịch:	1.4. Số tài khoản:
....

....., ngày...tháng...năm.....
Chủ tài khoản
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Kho bạc Nhà nước đồng ý theo yêu cầu đăng ký sử dụng tài khoản của đơn vị:

Ngày tài khoản bắt đầu có hiệu lực:

Đã kiểm soát đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Duyệt y
....., ngày...tháng...năm.....
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ký hiệu: 02/MTK

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI MẪU DẤU, MẪU CHỮ KÝ

Thay đổi hồ sơ pháp lý Thay đổi mẫu dấu Thay đổi mẫu chữ ký

Mã số hồ sơ:

Kính gửi Kho bạc Nhà nước:

Tên đơn vị: Mã ĐVQHNS:

QĐ thành lập số: Do cơ quan :..... Cấp Ngày/tháng/năm:

Tên cơ quan cấp trên:

Họ và tên Chủ tài khoản:

Văn bản bổ nhiệm số Ngày/tháng/năm

Họ và tên Kế toán trưởng:

Văn bản bổ nhiệm số Ngày/tháng/năm

Lý do thay đổi:

Mẫu dấu, mẫu chữ ký:

Chữ ký thứ nhất		Chữ ký thứ hai	
Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ nhất phải giống nhau <i>(01 Chủ tài khoản và 03 người được ủy quyền)</i>		Mẫu chữ ký số (1) và (2) của người ký chữ ký thứ hai phải giống nhau <i>(01 Kế toán trưởng và 02 người được ủy quyền)</i>	
Chủ tài khoản	1	Kế toán trưởng	1
Họ tên:	2	Họ tên:	2
Chức vụ:			
Người được ủy quyền	1	Người được ủy quyền	1
Họ tên:	2	Họ tên:	2
Chức vụ:		Chức vụ:	
Người được ủy quyền	1	Người được ủy quyền	1
Họ tên:	2	Họ tên:	2
Chức vụ:		Chức vụ:	
Người được ủy quyền	1		
Họ tên:	2		
Chức vụ:			

Mẫu dấu: (1)

(2)

THAY ĐỔI NÀY ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN:

STT	PHẦN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CỦA ĐƠN VỊ GIAO DỊCH	PHẦN DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC	
		Kho bạc Nhà nước đồng ý đăng ký sử dụng tài khoản theo chi tiết	Có giá trị đến ngày

Tài khoản dự toán

(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều tài khoản trong trường hợp đơn vị giao dịch có nhiều nguồn kinh phí, Chủ đầu tư có nhiều dự án, dự án từ nhiều nguồn vốn thuộc nhiều cấp ngân sách đối với tài khoản dự toán)

1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA	1.3. Số tài khoản:	
	Mã nguồn NSNN..... thuộc cấp NS..... Nội dung giao dịch:
2	1.2. Mã ĐVQHNS/Mã DA	1.4. Số tài khoản:	
	Mã nguồn NSNN..... thuộc cấp NS..... Nội dung giao dịch:
...

Tài khoản tiền gửi, có tính chất tiền gửi

(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều TK trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)

1	1.1. Mã ĐVQHNS/Mã DA..... thuộc cấp NS..... Mã CTMT, DA và HTCT.	1.3. Số tài khoản:	
	Nội dung giao dịch:.....
2	1.3. Mã ĐVQHNS/Mã DA..... thuộc cấp NS..... Mã CTMT, DA và HTCT.	1.4. Số tài khoản:	
	Nội dung giao dịch:.....
...

Tài khoản thu, chi của cơ quan quản lý thu

(Đăng ký sử dụng đồng thời nhiều TK trong trường hợp đơn vị giao dịch đăng ký nhiều tài khoản tiền gửi, tài khoản có tính chất tiền gửi khác nhau)

1	1.1. Mã CQ thu:	1.3. Số tài khoản:	
	Nội dung giao dịch:
2	1.2. Mã CQ thu:	1.4. Số tài khoản:	
	Nội dung giao dịch:
...

....., ngày....tháng....năm....

Chủ tài khoản

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DÀNH CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Kho bạc Nhà nước đồng ý theo yêu cầu thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký tài khoản của đơn vị:

Ngày tài khoản bắt đầu có hiệu lực:

Đã kiểm soát đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Duyệt y
....., ngày....tháng....năm....
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng ... năm ...

Tên đơn vị Mã ĐVQHNS

Địa chỉ giao dịch:

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: (*)				
Số dư đầu kỳ				
Phát sinh tăng trong kỳ				
Phát sinh giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ				
Tài khoản: (*)				
...				
Tài khoản: (*)				
Số dư đầu kỳ				
Phát sinh tăng trong kỳ				
Phát sinh giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ				

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào “Số liệu tại KBNN”, “Nguyên nhân” trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ngày....tháng....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày....tháng....năm....

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan tài chính:

Mã cấp NS:

Mẫu số 20d

Ký hiệu: 02b-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC LỆNH CHI TIỀN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý.....Năm.....

Nội dung	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
			Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	D	G	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Cộng:												
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào “Phần ĐVSDNS ghi” trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày....tháng.....năm....

Kế toán

Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)**CƠ QUAN TÀI CHÍNH**

Ngày....tháng.....năm....

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ, MÃ ĐVSDNS:

MÃ CHƯƠNG:

MÃ KBNN GIAO DỊCH:

Mẫu số 20e

Ký hiệu: 03-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ DỰ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU THUỘC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CẤP TỈNH/ CẤP HUYỆN) NĂM CHUYỂN SANG NĂM.....*(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan Kho bạc Nhà nước)*

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí ⁽¹⁾	Loại, Khoản ⁽³⁾	Mục, Tiêu mục ⁽⁴⁾	Số dự tài khoản tiền gửi	Số phải thu hồi
1	2	3	4	5	6	7
1	Kinh phí thường xuyên⁽²⁾					
a)	- Kinh phí được giao tự chủ					
b)	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm ...					
...	...					
2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)					
...					

Ghi chú:

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sao theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày

2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)										
3	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ⁽⁵⁾										
1	Dự án A										
2	...										

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) theo chế độ, được chuyển sang năm sau (không phải xét chuyển).

Ngày....tháng....năm....

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5, 9, 10, 11)

Ngày....tháng....năm....

Thủ trưởng đơn vị